TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/DS-PT
Ngày 06-5-2026

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, yêu cầu di dời tài sản, tháo dỡ công trình trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Nguyệt

Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2026/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026, về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, yêu cầu di dời tài sản, tháo dỡ công trình trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2026/QĐ-PT ngày 11/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2026/QĐ-PT ngày 23/3/2026; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 18/TB-TA ngày 08/4/2026 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 20/TB-TA ngày 16/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lăng Thị Q, sinh năm 1965. Căn cước công dân số 070165000463 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 27/3/2021. Cư trú tại: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lý Xuân H, sinh năm 1979. Căn cước công dân số 020079008691 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 02/6/2021. Cư trú tại: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*:

1. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1965; vắng mặt.

2. Ông Lý Văn H, sinh năm 1962; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lý Văn Q, sinh năm 1992. Căn cước công dân số 070092007905 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 27/12/2021; vắng mặt.

2. Chị Lý Thị H, sinh năm 1991. Căn cước công dân số 020191012611 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 05/6/2022; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn 2, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lý Văn Q và chị Lý Thị H: Bà Lăng Thị Q, sinh năm 1965. Căn cước công dân số 070165000463 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 27/3/2021. Cư trú tại: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Bà Hoàng Thị E, sinh năm 1979. Căn cước công dân số 020179005690 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; vắng mặt.

4. Ông Lý Văn L, sinh năm 1964. Căn cước công dân số 020064004074 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 08/11/2024; vắng mặt.

5. Anh Lý Văn P, sinh năm 1991; vắng mặt.

6. Ông Lý Văn L1, sinh năm 1962; vắng mặt.

7. Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1986; vắng mặt.

8. Chị Lăng Thị N, sinh năm 1986; vắng mặt.

9. Chị Lưu Thị N, sinh năm 1992; vắng mặt.

10. Bà Phùng Thị B, sinh năm 1932; vắng mặt.

11. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1959; vắng mặt.

12. Anh Lý Văn S, sinh năm 1988; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị S và anh Lý Văn S: Ông Lý Văn H, sinh năm 1962; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

13. Bà Lý Thị B, sinh năm 1962; Căn cước công dân số 020162005881 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 12/7/2021; vắng mặt.

14. Bà Lý Thị V, sinh năm 1961; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

15. Bà Lý Thị Y. Cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

16. Ông Chu Văn T, sinh năm 1964. Cư trú tại: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

17. Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp: Ông Ma Văn Đ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Lý Xuân H, là bị đơn trong vụ án.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Lăng Thị Q trình bày:

Năm 1990 bà kết hôn với ông Lý Văn H1 và ở tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn). Vợ chồng ông bà làm ăn và sinh sống cùng bố mẹ chồng. Năm 1991 bố chồng bà là cụ Lý Văn T1 do tuổi cao đã chết. Năm 1994 gia đình bà được Nhà nước giao đất, giao rừng tại lô số 47; thời điểm đó gia đình bà có các nhân khẩu gồm mẹ chồng là cụ bà Lâm Thị M (sinh năm 1921), vợ chồng bà cùng hai con là Lý Thị H và Lý Văn Q. Do làm ăn khó khăn nên tháng 4/1996 gia đình bà vào xã Thống Nhất, huyện B, tỉnh Bình Phước làm ăn sinh sống, cụ bà Lâm Thị M do tuổi cao không đi được và ở lại một mình nên gia đình bà Lăng Thị Q đã nhờ gia đình ông Lý Hồng G và gia đình ông Lý Văn L làm ruộng vườn của gia đình để nuôi dưỡng mẹ chồng. Đến tháng 01/2005 vợ chồng bà về quê để đón mẹ chồng vào Bình Phước ở cùng nhưng mẹ chồng bảo tuổi cao sức yếu rồi không vào nữa nên vợ chồng bà tiếp tục nhờ gia đình ông Lý Văn L nuôi dưỡng mẹ chồng. Đến năm 2006, ông Lý Văn L gọi điện báo mẹ chồng bà bị ốm, do đó ông Lý Văn H1 về quê để chăm sóc mẹ từ tháng 3/2006. Trong thời gian đó mẹ chồng bà có nguyện vọng vào ở cùng em chú là Lý Văn Q (bố của bị đơn) nên chồng bà và bị đơn đã bàn bạc và đi đến thống nhất là để cho cụ Lâm Thị M vào ở với gia đình bị đơn từ ngày 08/3/2006 âm lịch. Đến ngày 06/9/2006 (âm lịch) cụ Lâm Thị M chết. Sau khi lo hậu sự xong, ông Lý Văn H1 và bị đơn đã thỏa thuận nhất trí để cho gia đình bị đơn một thửa ruộng "N" là thửa số 300 diện tích 765m² tờ bản đồ số 01 (có giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã H xác nhận ngày 07/11/2006), cùng với đó gia đình bị đơn có trách nhiệm lo công việc nội ngoại và chị em gia đình bà. Đồng thời trông nom, bảo vệ số diện tích đất ở, đất rừng, ruộng vườn và các tài sản còn lại trên đất. Trong thời gian đó gia đình bị đơn được thu hoạch quả hồi, quả sở, làm ruộng trồng lúa, hoa màu, cây tre, cây mai được sử dụng không được bán.

Năm 2023, bà về quê trao đổi với gia đình bị đơn sẽ dựng nhà để làm ruộng, vườn tăng gia sản xuất thì gia đình bị đơn đã đồng ý, nhưng khi đi phát quang nền nhà để làm nhà thì vợ chồng bị đơn đã yêu cầu chính quyền thôn đến làm việc với lý do bà tranh chấp đất đai của vợ chồng bị đơn (biên bản ngày 21/10/2023). Còn giấy di chúc cụ Lâm Thị M viết cho bị đơn như thế nào thì bà không biết. Còn phần đất chồng bà thì đã bán một phần gồm 03 thửa ruộng cho

ông Lý Hùng G tại khu B thuộc thôn T, xã H, huyện B; bán cho ông Lý Văn C gần nhà ông Lý Văn C hiện tại, bán cho ông Lý Văn T 02 thửa.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu như sau:

Thứ nhất, yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp và trả lại cho gia đình bà quyền sử dụng đất đối với các diện tích:

- Thửa đất số 133 diện tích 480,4m^2. Địa chỉ thửa đất tại P thuộc thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Lô đất rừng số 47, diện tích 2,0ha. Địa chỉ thửa đất tại P thuộc thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Thửa đất số 95 diện tích 303,2m² và thửa đất số 96 diện tích 240,6m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 48, 49 năm 2010. Địa chỉ thửa đất tại khu ruộng B thuộc thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Thứ hai, công nhận quyền sở hữu của gia đình bà đối với toàn bộ tài sản trên Lô đất rừng số 47, diện tích 2,0ha. Địa chỉ thửa đất tại P thuộc thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn trừ các cây Quế do bị đơn trồng.

Thứ ba, buộc bị đơn di dời toàn bộ cây Quế đã trồng trên diện tích đất tranh chấp Lô đất rừng số 47, diện tích 2,0ha. Địa chỉ thửa đất tại P thuộc thôn T, xã H, huyện B để trả lại đất cho gia đình bà được quyền quản lý, sử dụng.

Thứ tư, buộc bị đơn di dời toàn bộ nhà và các công trình phụ xây dựng trên thửa số 95 diện tích 303,2m² và thửa số 96 diện tích 240,6m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 48, 49 năm 2010. Địa chỉ thửa đất: Khu ruộng B thuộc thôn T, xã H, huyện B đi nơi khác để trả lại diện tích đất cho gia đình bà được quyền quản lý, sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lăng Thị Q yêu cầu cụ thể như sau:

- Được quyền quản lý sử dụng một phần lô số 47 tại các điểm B1, B8, C1, C3, 14, 15, 16, 17, A4, B3, B7 có diện tích 7.735,7m^2 (trong đó không có diện tích 1092,3m^2 hộ ông Lý Văn P trồng hồi). (Phụ lục giám định bản đồ ngày 4/4/2025).

- Được sở hữu toàn bộ tài sản trên một phần lô số 47 tại các điểm B1, B8, C1, C3, 14, 15, 16, 17, A4, B3, B7 có diện tích 7735,7m^2 (trong đó không có diện tích 1092,3m^2 hộ ông Lý Văn P trồng hồi). (Phụ lục giám định bản đồ ngày 4/4/2025).

- Được quản lý sử dụng đối với các diện tích đất là đất ruộng và đất nền nhà gồm:

+ Khu 1 (S1 + S2) có diện tích là 443,5m^2 đỉnh điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 thuộc một phần các thửa đất số 95 và 96, tờ bản đồ số 49 bản đồ địa chính xã H.

+ Khu 2 (S3) có diện tích là 449,2m^2 đỉnh điểm 15, 16, 17, 18, 19, 20, 30, 29 thuộc một phần thửa đất số 133 tờ bản đồ số 49 bản đồ địa chính xã H tại mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 của Công ty cổ phần đo đạc tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc ngày 12/12/2024.

+ Yêu cầu bị đơn di dời toàn bộ các công trình trên đất diện tích S2 đỉnh 1, 2, 3, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 = 203,3m^2 nằm trong một phần thửa 95 bản đồ địa chính số 49, và di dời toàn bộ các cây trồng trên đất có khả năng di dời để trả lại đất cho bà Lăng Thị Q quản lý sử dụng, còn những cây không có khả năng di dời thì bà Lăng Thị Q đồng ý trả giá trị bằng tiền cho ông Lý Xuân H để bà quản lý sử dụng.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Khu 2 là đất nền nhà có diện tích đất S4=497,4m^2 đỉnh 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính 1/1000 xã H; diện tích S5=75,7m^2 thuộc một phần thửa số 83 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 02; diện tích S6 = 12,3m^2 thuộc một phần thửa số 109 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 02 tại mảnh trích đo địa chính số 64A của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc ngày 12/12/2025 và một phần diện tích đất rừng có diện tích 51.460,2m^2 thuộc một phần các lô 52, 53, 67-IIa và nhóm đất nông nghiệp, thổ cư (là phần nằm ngoài diện tích 7735,7m^2 đỉnh điểm B1, B8, 14, 15, 16, 17, A4, B3, B7 thuộc một phần lô 47 bản đồ giao đất giao rừng năm 1994) theo sơ đồ chồng, ghép khu đất tranh chấp của Kết luận giám định tư pháp ngày 04/4/2025.

- Không đồng ý với di chúc bà Lâm Thị M đã lập ngày 24/6/2006.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn là anh Lý Văn Q, chị Lý Thị H trình bày: Anh chị đã ủy quyền cho nguyên đơn tham gia toàn bộ các giai đoạn tố tụng và không có yêu cầu đòi hỏi quyền lợi trong vụ án này. Trường hợp đối với phần di sản mà được thừa kế thì anh chị tự nguyện để lại cho mẹ là bà Lăng Thị Q toàn quyền quản lý sử dụng. Anh chị yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Lý Xuân H (Lý Văn H) trình bày: Cụ Lâm Thị M và Lý Văn T1 có 04 người con gồm bà Lý Thị Y, Lý Thị V, Lý Thị B và Lý Văn H1 là chồng bà Lăng Thị Q, đã chết. Bố chồng bà Lăng Thị Q là bác ruột của ông.

Năm 1996, gia đình ông Lý Văn H1 vào nam làm ăn kinh tế, còn cụ Lâm Thị M ở lại sinh sống một mình. Đến năm 2006, do tuổi cao sức yếu cụ Lâm Thị M qua đời. Trước khi cụ qua đời, ông Lý Văn H1 và ông Lý Xuân H thỏa thuận bằng miệng cho cụ Lâm Thị M vào sinh sống cùng ông Lý Xuân H và ông Lý Xuân H được hưởng tài sản hiện có của cụ Lâm Thị M gồm 01 thửa đất rừng tại P thuộc thôn T, xã H, huyện B mang tên Lâm Thị M tại thửa số 140, diện tích 35.000m^2 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00165/QSD Đ/1513/QĐ/UB ngày 29/9/2004 của UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp; 01 thửa đất nền nhà mang tên Lâm Thị M có diện tích 320m^2 tại GCNQSDĐ số 00031/QSDĐ/607 QĐ/UB ngày 02/7/2003 và 02 thửa ruộng số 95 và 96 tại khu ruộng B thuộc thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn). Còn lại những tài

sản của ông Lý Văn H1 gồm 01 thửa đất rừng liền kề với thửa đất số 140 mang tên cụ Lâm Thị M thì ông Lý Văn H1 đã tự bán cho ông Lý Văn C (đã chết khoảng năm 2000), hiện nay có các con của ông Lý Văn C là Lý Văn P và Lý Văn Đ quản lý, sử dụng cho đến bây giờ và các thửa ruộng đã bán cho ông Lý Hồng G 04 thửa, Lý Văn T khoảng 2 sào rưỡi vào khoảng năm 1996 và năm 2009 ông Lý Văn H1 bán tiếp cho ông Lý Văn T thêm 02 sào ruộng và Lý Văn C 05 thửa ruộng vào năm nào thì ông không nhớ rõ.

Sau khi cụ Lâm Thị M qua đời và lo hậu sự xong. Ông Lý Văn H1 và ông Lý Xuân H đã bàn bạc thống nhất bằng miệng, không có giấy tờ là để toàn bộ tài sản mà trước khi cụ Lâm Thị M qua đời đã thỏa thuận là cho ông Lý Xuân H được toàn quyền quản lý, sử dụng.

Từ năm 2006 đến tháng 11/2022, ông quản lý, sử dụng ổn định. Khoảng năm 2016 ông gọi điện cho nguyên đơn thông báo là ông san đất để làm nền nhà tại thửa đất mang tên Lâm Thị M có diện tích 320m^2 tại GCNQSDĐ số 00031/QSDĐ/607 QĐ/UB ngày 02/7/2003 thì nguyên đơn nói là hai anh em đã thống nhất rồi thì cứ làm, không ngăn cản. Đến khoảng tháng 11/2022 ông có ý định làm nhà thì nguyên đơn cản trở không cho làm. Ông đã làm nhà và công trình phụ trên đầu bờ hai thửa ruộng số 95 và 96 tại khu ruộng B thuộc thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tại thửa đất số 95, 96 trước đó ông đã có 01 căn nhà ba gian từ năm 2012, do chỗ đất đó hẹp nên ông mới san mở rộng và làm nhà vào năm 2022. Thời điểm san đất mở rộng làm nhà, công trình phụ tại thửa đất 95, 96 nguyên đơn không ngăn cản do vẫn ở trong Nam.

Về tài sản trên đất hiện nay gồm có: Tại thửa đất rừng có khoảng mấy chục cây hồi trồng năm 2013-2014; cây sở trồng từ 2007-2020 mỗi năm trồng một ít cây sở, hiện nay đã được thu hoạch và khoảng 1.500 cây quế trồng năm 2021 (khi đi đo đạc thì diện tích cây quế không nằm trong phần diện tích đất tranh chấp). Tại thửa đất nền nhà từ năm 2016 có trồng các cây mận, cây chanh, cây xoài và cây chuối; đến khoảng tháng 9 năm 2023 thì nguyên đơn tự ý đi phát toàn bộ số cây trên. Tại thửa đất số 95, 96 gồm một chuồng lợn và nhà vệ sinh.

Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất theo giấy di chúc ngày 24/6/2006 của cụ Lâm Thị M và văn bản phân chia di sản lập ngày 08/4/1996. Còn đối với diện tích đất nền nhà tại thửa đất số 133 đã được ông một mình tự thuê máy xúc đất về san bằng vào khoảng năm 2015-2016, chi phí san đất khoảng 15 triệu đồng. Đến khoảng năm 2024, làm đường bê tông nông thôn mới, đã đổ đất xuống khu đất mà gia đình ông đã san bằng trước đây và được san cao bằng với mặt đường như hiện nay (thời điểm này gia đình ông không mất chi phí cho việc bồi lấp, san bằng). Ông yêu cầu bà Lăng Thị Q trả cho ông số tiền san lấp mặt bằng là 15 triệu đồng trong trường hợp ông không được giao quyền quản lý đất. Trường hợp vượt quá yêu cầu khởi kiện trong vụ án này, nguyên đơn phải có trách nhiệm trả cho ông khi có yêu cầu khởi kiện trong vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bên bị đơn là bà Hoàng Thị E (vợ bị đơn) trình bày: Vợ chồng bà kết hôn năm 1997. Năm 1996, cụ Lâm Thị M và ông Lý Văn H1 đã chia tài sản cho ông Lý Văn H1. Ông Lý Văn H1 đã bán đất rừng và ruộng là phần được chia, bán cho nhà Lý Văn P (đất rừng liền kề khu đất tranh chấp và 05 thửa đất ruộng), Lý Hồng G (04 thửa đất ruộng), Lý Văn T (03 thửa đất ruộng) cùng địa chỉ thôn T, xã H (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Ngày 8/3/2006 âm lịch, do tuổi cao cụ Lâm Thị M không vào Nam sinh sống cùng gia đình nguyên đơn nên đã chuyển tới nhà vợ chồng bà sinh sống. Đến khoảng tháng 7/2006 ông Lý Văn H1 quay về địa phương chăm sóc cụ Lâm Thị M. Đến 06/9/2006 âm lịch bà Lâm Thị M qua đời. Toàn bộ tiền lo đám ma là của chồng bà. Còn nguyên đơn không lo hậu sự. Sau khi lo hậu sự xong thì ông Lý Văn H1 và chồng bà có thỏa thuận về đất đai. Còn thỏa thuận như thế nào thì bà không được nắm rõ. Vì bà là con dâu trong nhà, không được tham gia. Nay nguyên đơn yêu cầu khởi kiện tranh chấp đất đai, bà không nhất trí và đồng quan điểm với bị đơn. Bà không có ý kiến, yêu cầu độc lập gì trong vụ án và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lý Văn H trình bày: Ông yêu cầu được quản lý, sử dụng thửa đất số 154, tờ bản đồ số 48, diện tích 714,6m² mang tên hộ ông Lý Văn H và bà Hoàng Thị S số BĐ 734697, số vào sổ cấp GCN CH 00699 ngày 07/12/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm ông rút yêu cầu độc lập đối với diện tích 714,6m², tờ bản đồ số 48 trong đó có diện tích S4 = 497,4m^2 đỉnh 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính 1/1000 xã H (nằm trong diện tích đất tranh chấp) vì nguyên đơn không còn yêu cầu đối với phần diện tích này và diện tích này đã được cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hoàng Thị X trình bày: Bà yêu cầu được quản lý, sử dụng phần diện tích khoảng 1.092,3m^2 tại các đỉnh điểm 14, C1, C2 và tài sản trên đất có khoảng 20 cây hồi thuộc một phần lô số 47 bản đồ giao đất giao rừng năm 1994. Ông Lý Xuân H và bà Lăng Thị Q đều công nhận cây hồi trên là của anh Lý Văn P (con trai của bà) trồng. Trước khi mở phiên tòa, bà Hoàng Thị X và bà nguyên đơn đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này đối với nội dung gia đình bà Hoàng Thị X được quyền quản lý sử dụng 1.092,3m^2 đất đang trồng hồi thuộc một phần diện tích tại lô 47 (bìa xanh) quản lý sử dụng và nguyên đơn được quản lý sử dụng tại phần đất của bà tại các điểm A4, B4, B3 thuộc lô 52. (Phụ lục giám định bản đồ ngày 4/4/2025). Do đó, bà rút yêu cầu độc lập đối với yêu cầu diện tích 1.092,3m^2 tại các đỉnh điểm 14, C1, C2 và tài sản trên đất thuộc một phần diện tích thuộc một phần lô 47 bản đồ giao đất giao rừng năm 1994.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Đ, anh Lý Văn P, chị Lăng Thị N, chị Lưu Thị N và bà Phùng Thị B đều có ý kiến: Gia đình đều

nhất trí với quan điểm của bà Hoàng Thị X. Không có yêu cầu gì thêm và yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn L trình bày: Ông là anh trai ruột bị đơn, là anh em họ hàng với chồng nguyên đơn. Ông không có mâu thuẫn với các đương sự trong vụ án. Từ cuối năm 1999 đến hết năm 2019 ông giữ chức vụ trưởng thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn). Thời điểm gia đình ông Lý Văn H1 vào Nam sinh sống, còn mỗi cụ Lâm Thị M sinh sống một mình tại ngôi nhà nhỏ của cụ. Ông có làm ruộng của gia đình ông Lý Văn H1 04 thửa ruộng được khoảng 4 năm, trong đó có hai thửa tại B là thửa số 95, 96 và một thửa 133 tại P để nuôi cụ Lâm Thị M. Đối với lô đất rừng số 47 và đất nền nhà gia đình ông Lý Văn H1 không giao cho ông Lý Văn H mà chỉ cho tạm thời sử dụng, trông giữ hộ; còn hoa quả cây sở và cây hồi thì hàng năm được thu hoạch. Cây sở và cây hồi đều do hai cụ Lâm Thị M và Lý Văn T1 trồng. Đến khi cụ Lâm Thị M ốm yếu sắp qua đời, do nhà cửa cụ Lâm Thị M nhỏ nên đã nhờ nhà ông Lý Văn H đưa cụ vào ở và khi cụ mất làm đám tang cho tiện. Cụ Lâm Thị M vào nhà ông Lý Văn H ở được khoảng 6 tháng của năm 2006 thì qua đời. Thời điểm bà cụ Lâm Thị M vào nhà ông Hiệu ở có nói công khai cho cả họ nghe là ông Lý Xuân H chỉ được gia đình ông Lý Văn H1 cho quản lý, sử dụng vĩnh viên thửa N khoảng hơn 2 sào. Ngoài ra, không được cho thửa đất nào khác, còn bản di chúc của cụ Lâm Thị M viết, do lâu quá nên ông không nhớ gì. Còn chữ ký là đúng chữ ký của ông. Tại phiên tòa sơ thẩm khẳng định bản di chúc này sai, thời điểm viết di chúc cụ Lâm Thị M đã chết. Ông Lý Xuân H tự lấy bản di chúc lên nhà cho ông ký.

Đối với kết quả thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc tại mảnh trích đo của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn, sau khi kiểm tra tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thể hiện tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 02, diện tích 78.963m^2 và thửa số 187, tờ bản đồ số 02, diện tích 75.009m^2 có tên đăng ký hộ ông Lý Văn L. Ông cho biết năm 2009 ông được đi đăng ký hai thửa đất trên. Nguồn gốc đất là do ông cha để lại cho hai anh em là ông Lý Văn L và ông Lý Xuân H. Ông mới được đi đăng ký vào sổ mục kê, chưa được cấp GCNQSDĐ. Còn thửa đất số 110, diện tích 62.407m^2 mang tên đăng ký sử dụng là hộ ông Lý Xuân H. Thực tế, ba thửa đất này cách khu vực mà nguyên đơn tranh chấp là một khe sâu, là hai quả đồi khác nhau. Không ở gần khu vực tranh chấp. Còn kết quả trên bản đồ đo vẽ như vậy ông cho rằng không đúng với thực tế đang sử dụng. Giữa ông và nguyên đơn không có tranh chấp đất đai, ông yêu cầu Tòa án giải quyết đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị B trình bày: Cụ Lý Văn T1 (chết năm 1991) kết hôn với cụ bà (không nhớ tên – là vợ cả) có hai người con tên là Lý Ngọc Đ (là liệt sĩ, chưa có vợ con) và bà Lý Thị Y. Đến năm nào cụ bà chết thì không nhớ rõ. Sau đó cụ Lý Văn T1 kết hôn với cụ Lâm Thị M có 02 người con là bà Lý Thị B và ông Lý Văn H1. Còn bà Lý Thị V là con riêng của bà Lâm Thị M với chồng trước. Vợ chồng nguyên đơn do làm ăn khó khăn nên vào khoảng năm 1996 đã vào tỉnh Bình Phước làm ăn sinh sống.

Cụ Lâm Thị M do tuổi cao nên không vào trong Nam sinh sống cùng ông Lý Văn H1, đã ở lại sinh sống một mình tại nhà riêng thôn T, xã H. Đến đầu năm 2006 thì cụ Lâm Thị M ốm đã chuyển đến nhà bị đơn sinh sống và có cho bị đơn canh tác các thửa ruộng tạm thời. Khoảng tháng 7 năm 2006 thì ông Lý Văn H1 quay về khoảng được 02 tháng chăm sóc cụ Lâm Thị M thì cụ chết. Sau khi chết thì ông Lý Văn H1 có thỏa thuận là cho bị đơn 01 thửa ruộng khoảng 2,6 sào (thửa ruộng này đã được cho bị đơn làm tạm thời trước khi cụ Lâm Thị M qua đời, lý do cụ Lâm Thị M vào sinh sống và làm đám tang tại nhà bị đơn). Còn tất cả ruộng đất đều để cho ông Lý Văn H1 quản lý, sử dụng vì theo phong tục gia đình bà chỉ có mình ông Lý Văn H1 là con trai trong gia đình, bà và các chị em đều đi lấy chồng thì không được hưởng tài sản gì. Việc quản lý sử dụng đất của ông Lý Văn H1 hay bán ruộng cho ai thì bà không biết. Đối với di chúc ngày 24/6/2006 của cụ Lâm Thị M nhờ anh Ma Văn P viết hộ thì bà không biết, không được ký (chữ ký trong tờ di chúc không phải bà viết), bà không được chứng kiến việc viết di chúc này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không có ý kiến gì. Bà không có yêu cầu đòi hỏi quyền lợi hay yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Còn nếu trường hợp mà bà được hưởng một phần tài sản trong số tài sản tranh chấp này, bà có ý kiến để lại cho nguyên đơn để làm ăn, sinh sống. Do tuổi cao, sức yếu nên bà yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn T trình bày: Qua kết quả thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc, sau khi kiểm tra tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thể hiện tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 49, diện tích 303,2m^2 có tên đăng ký chủ hộ là ông Chu Văn T. Ông không có thửa đất nào canh tác, sử dụng, không liên quan gì ở khu vực đang tranh chấp. Ông không đi đăng ký kê khai ở khu vực đó, chắc có sự nhầm lẫn, sai sót vì ông là người khác thôn, nên ông không có ý kiến, yêu cầu, đòi hỏi quyền lợi gì trong vụ án này và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã T trả lời tại công văn số 110/UBND-KT ngày 04/7/2025: Về trình tự thủ tục đối với việc cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đối với các lô đất số 47, 52, 53, 67-IIa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ. Đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 49 thực tế chủ sử dụng đất là hộ ông Lý Văn H1, tuy nhiên trên sổ mục kê thửa đất ghi tên ông Chu Văn T là nhầm lẫn trong quá trình quy chủ sử dụng dất, ông Chu Văn T chưa được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên. Còn những tài sản trên đất, không có hộ gia đình, cá nhân nào có ý kiến thì được phép quản lý sử dụng theo quy định.

Người làm chứng anh Ma Văn P trình bày: Anh là con trai ruột của bà Lý Thị V, chị gái chồng nguyên đơn. Anh không có mâu thuẫn với các đương sự trong vụ án. Về nguồn gốc các thửa đất đang tranh chấp là của cụ Lâm Thị M và cụ Lý Văn T1 (là ông bà ngoại anh). Còn quá trình quản lý, sử dụng, canh tác như thế nào anh không được biết. Đối với bản di chúc của cụ Lâm Thị M là nhờ anh viết hộ, do bà ngoại không biết chữ. Thời điểm viết di chúc cụ đau, không đi

lại được nhưng vẫn tỉnh táo. Cụ Lâm Thị M đọc cho anh viết. Nội dung viết được ghi trong bản di chúc, ý muốn của cụ Lâm Thị M là những tài sản gồm thửa N, thửa Cốc oi tau lườn, sổ đất ở, đất rừng là cho bị đơn, cho vĩnh viễn hay trông giữ hộ thì anh không rõ. Tại thời điểm viết di chúc có đầy đủ các thành viên trong di chúc ký gồm Lý Văn Thiền, Lâm Thị M, Lý Văn L, Lý Thị V, Lý Thị B và Ma Văn P. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Lý Hồng G và ông Lý Văn T cùng trình bày: Tất cả các thửa đất ruộng, đất rừng và đất nền nhà đều là đất của vợ chồng nguyên đơn. Năm 1996, sau khi gia đình nguyên đơn vào Nam sinh sống đã nhờ các ông chăm sóc cụ Lâm Thị M và làm ruộng vườn để nuôi dưỡng cụ Lâm Thị M. Đến tháng 3/2006, cụ Lâm Thị M vào ở cùng nhà với ông Lý Văn Q (bố của bị đơn), tháng 9/2006, cụ Lâm Thị M mất, vợ chồng nguyên đơn đã làm thủ tục tặng cho cho bị đơn 01 thửa ruộng tại N khoảng 03 sào để bị đơn lo việc gia đình, đồng thời trông nom ruộng vườn giúp gia đình trong thời gian vợ chồng nguyên đơn quay vào Nam. Năm 2023, nguyên đơn về quê để dựng nhà làm ruộng, vườn thì bị đơn đồng ý, tuy nhiên khi nguyên đơn định làm nhà thật thì bị đơn lại không đồng ý và cho rằng đây là đất của bị đơn. Bố ông Lý Hồng G, ông Lý Văn T là ông Lý Văn P - con trai thứ hai trong nhà, bố ông Lý Văn H1 là Lý Văn T1 - con trai cả, còn ông Lý Văn Q (bố ông Lý Xuân H) là con trai út. Bố ông Lý Văn H1 chết năm 1991. Năm 1994, gia đình ông Lý Văn H1 được Nhà nước giao đất. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phần đất tranh chấp cho nguyên đơn để bà quản lý, canh tác, sử dụng.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định:

Thứ nhất, đối với khu đất ruộng và đất nền nhà, gồm hai khu:

- Khu 1 là đất ruộng có diện tích là 443,5m^2 (đỉnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 theo mảnh trích đo ngày 12/12/2024) nằm trong các thửa đất số 95, 96 tờ bản đồ địa chính số 49, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Vị trí khu 1: Phía đông và đông bắc giáp mương nước; phía nam giáp đường bê tông; phía tây giáp đường bê tông và phía tây bắc giáp thửa 70 và phần còn lại thửa số 95.

- Khu 2 là đất nền nhà có diện tích là 1.034,6m^2 (đỉnh 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 (theo mảnh trích đo ngày 12/12/2024) nằm trong các thửa đất số 154, 133 tờ bản đồ địa chính số 49, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Vị trí khu 2: Phía bắc giáp đường bê tông; phía đông giáp đường bê tông; phía nam và tây nam giáp đường bê tông; phía tây bắc giáp phần còn lại của thửa 154.

Thứ hai, đối với khu tranh chấp đất rừng có diện tích là 59.195,9m^2 (đỉnh từ 1-51, mảnh trích đo địa chính số 64B-2024 của Công ty cổ phần đo đạc tài nguyên số 1 Lạng Sơn ngày 12/12/2024) nằm trong các thửa đất số 83, 109, 110, 187 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 02, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Vị trí khu đất rừng: Phía bắc giáp đường bê tông; phía

đông giáp phần còn lại của các thửa đất số 83, 109, 110, 187; phía Tây giáp phần còn lại của các thửa đất số 183, 187, 110, 83.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 416.622.789 đồng.

Kết luận giám định tư pháp kết luận như sau:

"1. Chồng ghép khu tranh chấp với tổng diện tích đang tranh chấp 59195,9m^2 với bản đồ giao đất giao rừng xã H năm 1994, tỷ lệ 1:10.000 thì phần diện tích tranh chấp được thể hiện như sau:

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào lô 47 với diện tích khoảng 8828m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (B1, B8, 14, 15, 16, 17, A4, B3, B7);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào lô 52 với diện tích khoảng 200m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A3, B2, 12, 13, B1) và khoảng 520m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A4, B4, B3);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào lô 67-IIa với diện tích khoảng 253m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (29, B5, 27, 28);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào lô 53 với diện tích khoảng 31035m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (B7, B3, A11, 18, 19, 20, 21, A7, 22, 23, 24, 25, A8, 26, B5, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, A9, 41, B6);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn khu vực nhóm đất nông nghiệp, thổ cư với diện tích khoảng 17521m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, B2, A3, B1, B7, B6, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, A1, 49, 50, 51) và 838m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (B3, B4, A6, 18, A11).

2. Chồng ghép khu đất tranh chấp với tổng diện tích đang tranh chấp 59195,9m^2 với bản đồ giao đất CGCNQSDĐ lâm nghiệp xã H, tỷ lệ 1:10.000 thì phần diện tích tranh chấp:

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 139 với diện tích khoảng 8280m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A1, A2, A10, 41, B6, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 140 với diện tích khoảng 27117m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A2, A3, 12, 13, 14, 15, 16, 17, A4, A11, A6, 18, 19, 20, 21, A7, 39, 40, A9, A10);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 141 với diện tích khoảng 580m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A5, B4, A5, A11);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 205 với diện tích khoảng 773m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (28, A8, 26, B5, 27);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 205 với diện tích khoảng 773m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (28, A8, 26, B5, 27);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 206 với diện tích khoảng 15061m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (39, A7, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 29,

29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38) và 220m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A10, A9, 41).

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào vị trí không có số lô, thửa với diện tích khoảng 6344m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, B2, 12, A3, A2, A1, 49, 50, 51) và 820m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A11, A5, A6).

3. Chồng ghép khu đất tranh chấp với tổng diện tích đang tranh chấp 59195,9m^2 với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H tỷ lệ 1/10.000 lập năm 2011 được thể hiện như sau:

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 83 với diện tích khoảng 72,6m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (1, 2, 51) và 137,1m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (3, 4, 5, 6);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 109 với diện tích khoảng 11978,5m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, b2, 12, 13, 14, 15, 49, 50, 51);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 110 với diện tích khoảng 24837,7m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (49, 15, 16, 17, A4, B4, A5, A6, 18, 19, 39, 40, A9, 41, B6, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, A1);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 183 với diện tích khoảng 514,2m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (30, 26, b5,27, 28, 29);

- Diện tích đất tranh chấp chồng lấn vào thửa 187 với diện tích khoảng 21655,8m^2 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (39, 19, 20, 21, A7, 22, 23, 24, 25, A8, 26, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38)".

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 05/2025/QĐ-SCBSBA ngày 20-10-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lăng Thị Q:

1.1. Bà Lăng Thị Q được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 443,5m^2 đỉnh điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 thuộc một phần các thửa đất số 95 và 96, tờ bản đồ địa chính số 49 tại mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 của Công ty cổ phần đo đạc tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc ngày 12/12/2024.

1.2. Bà Lăng Thị Q được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 449,2m^2 đỉnh điểm 15, 16, 17, 18, 19, 20, 30, 29 thuộc một phần thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 49 tại mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 của Công ty cổ phần đo đạc tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc ngày 12/12/2024.

1.3. Bà Lăng Thị Q được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 7.735,7m^2 nằm trong đỉnh điểm B1, B8, 14, C1, C2, 15,

16, 17, A4, B3, B7 thuộc một phần lô 47 bản đồ giao đất giao rừng năm 1994 theo sơ đồ chồng, ghép khu đất tranh chấp của Kết luận giám định tư pháp ngày 04/4/2025.

Đương sự có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được phân chia theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Buộc ông Lý Xuân H chấm dứt hành vi tranh chấp và trả lại đất cho bà Lăng Thị Q đối với diện tích 443,5m^2 đỉnh điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 thuộc một phần các thửa đất số 95 và 96, tờ bản đồ địa chính số 49; diện tích 449,2m^2 đỉnh điểm 15, 16, 17, 18, 19, 20, 30, 29 thuộc một phần thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 49 tại mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 của Công ty cổ phần đo đạc tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc ngày 12/12/2024 và diện tích 7.735,7m^2 nằm trong đỉnh điểm B1, B8, 14, C1, C2, 15, 16, 17, A4, B3, B7 thuộc một phần lô 47 bản đồ giao đất giao rừng năm 1994 theo sơ đồ chồng, ghép khu đất tranh chấp của Kết luận giám định tư pháp ngày 04/4/2025.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lăng Thị Q đối với diện tích tại khu 2 là đất nền nhà có diện tích đất S4 = 497,4 m^2 đỉnh 23-24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính 1/1000 xã H; diện tích S5 = 75,7m2 đỉnh 20, 21, 22, 31, 30 thuộc một phần thửa số 83 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 02; diện tích S6 = 12,3m^2 đỉnh 22, 23, 31 thuộc một phần thửa số 109 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 02 tại mảnh trích đo địa chính số 64A của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc ngày 12/12/2024 và một phần diện tích đất rừng có diện tích 51.460,2m^2 (trong đó có diện tích 1092,3m² tại các đỉnh điểm 14-C1-C2 của hộ bà Hoàng Thị X trồng hồi) thuộc một phần các lô 52, 53, 67-IIa và nhóm đất nông nghiệp, thổ cư (là phần nằm ngoài diện tích 7735,7m^2 đỉnh điểm B1, B8, 14, C1, C2, 15, 16, 17, A4, B3, B7 thuộc một phần lô 47 bản đồ giao đất giao rừng năm 1994) theo sơ đồ chồng, ghép khu đất tranh chấp của Kết luận giám định tư pháp ngày 04/4/2025.

Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với nội dung này bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lý Văn H đối với diện tích S4 = 497,4m^2 đỉnh 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 48 tại mảnh trích đo địa chính số 64A của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc ngày 12/12/2024 và bà Hoàng Thị X đối với diện tích 1.092,3m^2 tại các đỉnh điểm 14, C1, C2, tài sản trên đất có cây hồi thuộc một phần lô số 47, tờ bản đồ giao đất giao rừng năm 1994 theo sơ đồ chồng, ghép khu đất tranh chấp của Kết luận giám định tư pháp ngày 04/4/2025.

Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với nội dung này bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật dân sự.

5. Bà Lăng Thị Q có trách nhiệm trả số tiền 2.424.000 đồng cho ông Lý Xuân H là số tiền chênh lệch giá trị tài sản trên đất gồm 01 cây bưởi, 02 cây mít và 01 cây xoan (đường kính cây trên 10cm) và được quyền sở hữu quản lý, sử dụng tài sản trên.

6. Buộc ông Lý Xuân H di dời, tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất cây mía, cây đào, 01 cây bưởi đường kính cây dưới 10cm, cây chuối hột, cây dứa, khoai mon, rau xanh, cây chuối tây, cây ổi, chuồng lợn, nhà vệ sinh, bể tự hoại trên thửa đất số 95, 96 và 133 tờ bản đồ số 49 để trả lại đất cho bà Lăng Thị Q quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định:

Bị đơn ông Lý Xuân H kháng cáo yêu cầu nguyên đơn bồi thường tiền san nền nhà là 30.000.000 đồng; trả tiền khai hoang 02 thửa ruộng số 95, 96 là 10.000.000 đồng; trả tiền trông coi rừng từ năm 1996 đến nay là 29 năm, mỗi năm là 3.000.000 đồng, tổng cộng só tiền là 87.000.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 25-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

Ý kiến của bị đơn ông Lý Xuân H: Bị đơn đề nghị được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 95 tờ bản đồ số 49 bản đồ địa chính xã H (nay là xã T), diện tích 203,3m^2 và sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất này. Các diện tích đất tranh chấp còn lại sẽ do nguyên đơn quản lý sử dụng và nguyên đơn được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên các diện tích đất đó. Về chi phí tố tụng mỗi bên sẽ chịu ½ chi phí tố tụng.

Ý kiến của nguyên đơn bà Lăng Thị Q: Nguyên đơn đồng ý với ý kiến của bị đơn, đồng ý cho bị đơn được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 95 tờ bản đồ số 49 bản đồ địa chính xã H (nay là xã T), diện tích 203,3m^2 và sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất này. Các diện tích đất tranh chấp còn lại sẽ do nguyên đơn quản lý sử dụng và nguyên đơn được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên các diện tích đất đó. Về chi phí tố tụng mỗi bên sẽ chịu ½ chi phí tố tụng.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lăng Thị Q và bị đơn ông Lý Xuân H được miễn án phí sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo ông Lý Xuân H được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát. Căn cứ cứ định tại khoản 2 Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 25-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, có đương sự vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có đương sự vắng mặt nhưng đã có ủy quyền, có đương sự vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt một số người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể:

[2.1] Bà Lăng Thị Q được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 240,2m^2 vị trí đỉnh điểm 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ địa chính số 49 xã H (nay là xã T) tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 của Công ty cổ phần đo đạc tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

[2.2] Bà Lăng Thị Q được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 449,2m^2 vị trí đỉnh điểm 15, 16, 17, 18, 19, 20, 30, 29 thuộc một phần thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 49 xã H (nay là xã T) tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 của Công ty cổ phần đo đạc tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

[2.3] Bà Lăng Thị Q được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 7.735,7m^2 có vị trí đỉnh điểm B11, B12, B1, B8, 14, C1, C2, 15, 16, 117, A4, B3, B7, B9, B10, trong đó: Diện tích S3.2 có vị trí đỉnh điểm B11, B12, B1, B8, 14, C1, C2, 15 diện tích 1252,5m^2 thuộc thửa đất số 109 tờ bản đồ số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T) và diện tích S4.1 có vị trí đỉnh điểm B11, 15, 16, 17, A4, B3, B7, B9, B10 thuộc thửa đất số 110 tờ bản đồ số 2 (nay là tờ 121) xã H nay là xã T. *(Diện tích thửa đất được thể hiện tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64B-2024 của Công ty cổ phần đo đạc tài nguyên số 1 Lạng Sơn).*

[2.4] Bà Lăng Thị Q được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất nêu tại mục [2.1], [2.2] và [2.3] nêu trên.

[2.5] Ông Lý Xuân H được quyền quản lý sử dụng một phần thửa đất số 95 tờ bản đồ số 49 bản đồ địa chính xã H (nay là xã T), diện tích 203,3m^2 tương ứng với các điểm 1, 2, 3, 8, 9 10, 11, 12, 13, 14 thể hiện tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 của Công ty cổ phần đo đạc tài nguyên số 1 Lạng Sơn và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất nêu trên.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 35.347.000 đồng. Hai bên thống nhất thỏa thuận mỗi bên chịu ½ chi phí tố tụng, cụ thể: Bà Lăng Thị Q và ông Lý Xuân H mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 17.673.500 đồng. Bà Lăng Thị Q đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền chi phí tố tụng. Ông Lý Xuân H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Lăng Thị Q số tiền 17.673.500 đồng.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Đối với diện tích đất tranh chấp trong vụ án, ngoài các đương sự trong vụ án thì không có tranh chấp với người thứ ba. Do vậy, cần căn cứ vào Điều 5, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn thuộc đều thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bị đơn Lý Xuân H thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sinh sóng ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26, Điều 31, Điều 37 của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 25-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về quyền quản lý, sử dụng đất:

1.1. Bà Lăng Thị Q được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp có ký hiệu S1 diện tích 240,2m^2 vị trí đỉnh điểm 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ địa chính số 49 xã H (nay là xã T) tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

1.2. Bà Lăng Thị Q được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 449,2m^2 vị trí đỉnh điểm 15, 16, 17, 18, 19, 20, 30, 29 thuộc một phần thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 49 xã H (nay là xã T) tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

1.3. Bà Lăng Thị Q được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 7.735,7m^2 có vị trí đỉnh điểm B11, B12, B1, B8, 14, C1, C2, 15, 16, 117, A4, B3, B7, B9, B10, trong đó:

Diện tích S3.2 có vị trí đỉnh điểm B11, B12, B1, B8, 14, C1, C2, 15 diện tích 1252,5m^2 thuộc thửa đất số 109 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T).

Diện tích S4.1 có vị trí đỉnh điểm B11, 15, 16, 17, A4, B3, B7, B9, B10 diện tích 5231,5m^2 thuộc thửa đất số 110 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T).

(Diện tích thửa đất được thể hiện tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64B-2024 ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn).

Bà Lăng Thị Q được quyền sở hữu các tài sản trên diện tích đất nêu tại mục 1.1; 1.2 và 1.3 nêu trên.

1.4. Ông Lý Xuân H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp có ký hiệu S2 diện tích 203,3m^2 vị trí đỉnh điểm 1, 2, 3, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 thuộc một phần thửa đất số 95, tờ bản đồ địa chính số 49 xã H (nay là xã T) tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A-2024 ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

Ông Lý Xuân H được quyền sở hữu các tài sản trên diện tích đất tại 1.4 nêu trên.

Đương sự có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được phân chia theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Buộc ông Lý Xuân H chấm dứt hành vi tranh chấp và trả lại đất cho bà Lăng Thị Q đối với các diện tích đất nêu tại mục 1.1, 1.2 và 1.3.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lăng Thị Q đối với các diện tích đất sau:

3.1. Diện tích tại khu 2 là đất nền nhà có diện tích đất S4 = 497,4m^2 đỉnh 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính xã H tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

3.2. Diện tích S5 = 75,7m^2 đỉnh 20, 21, 22, 31, 30 thuộc một phần thửa số 83 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 02 tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

3.3. Diện tích S6 = 12,3m^2 đỉnh 22, 23, 31 thuộc một phần thửa số 109 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 02 tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

3.4. Diện tích đất rừng 51.460,2m^2 gồm các diện tích S1 + S2 + S3.1 + S3.3 + S4.2 + S5 + S6, cụ thể:

S1 có vị trí đỉnh điểm 1, 2, 51 diện tích 72,6m^2 thuộc thửa đất số 83 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T).

S2 có vị trí đỉnh điểm 3, 4, 5, 6 diện tích 131,7m^2 thuộc thửa đất số 83 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T).

S3.1 có vị trí đỉnh điểm 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, B8, B1, B12, B11, 49, 50, 51 diện tích 9633,7m^2 thuộc thửa đất số 109 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T).

S3.3 có vị trí đỉnh điểm 14, C2, C1 diện tích 1092,3m^2 thuộc thửa đất số 109 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T).

S4.2 có vị trí đỉnh điểm A4, B4, 18, 19, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, B11, B10, B9, B7, B3 diện tích 19606,2m^2 thuộc thửa đất số 110 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T).

S5 có vị trí đỉnh điểm 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39 diện tích 21655,8m^2 thuộc thửa đất số 187 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T).

S6 có vị trí đỉnh điểm 26, 27, 28, 29, 30 diện tích 514,2m^2 thuộc thửa đất số 183 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T).

(Diện tích thửa đất được thể hiện tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64B-2024 ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn).

Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với nội dung này bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Đình chỉ yêu cầu của ông Lý Văn H đối với diện tích S4 = 497,4m^2 đỉnh 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 48 tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64A ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

Đình chỉ yêu cầu của bà Hoàng Thị X đối với diện tích 1.092,3m^2 tại các đỉnh điểm 14, C1, C2 thuộc thửa 109 tờ tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 (nay là tờ 121) xã H (nay là xã T), tài sản trên đất có cây hồi, thể hiện tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính số 64B ngày 06/5/2026 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với nội dung này bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật dân sự.

5. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 35.347.000đ (ba mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), nguyên đơn bà Lăng Thị Q đã nộp toàn bộ số tiền trên. Các bên đương sự thoả thuận mỗi bên chịu ½ chi phí tố tụng, cụ thể: Bà Lăng Thị Q phải chịu chi phí tố tụng là 17.673.500đ (mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng), xác nhận bà Lăng Thị Q đã nộp đủ chi phí tố tụng. Ông Lý Xuân H phải chịu chi phí tố tụng là 17.673.500đ (mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng). Buộc ông Lý Xuân H phải có trách nhiệm trả cho bà Lăng Thị Q số tiền là 17.673.500đ (mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lăng Thị Q và bị đơn ông Lý Xuân H được miễn án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Lăng Thị Q số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tại biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003545 ngày 01/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lạng Sơn) (tại tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước Khu vực IV - Phòng nghiệp vụ 2).

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lý Xuân H được miễn án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm 1 TANDTC tại Hà Nôi;
- Viện Phúc thẩm 1 TANDTC tại Hà Nôi;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TANDKV 3, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSNDKV 3, tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADSKV 3, tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phùng Đức Chính